SAO Y

Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
Email: hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 20.04.2023 10:14:13 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã; Báo cáo thẩm tra số 268/BC-BKTNS ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023, cụ thể như sau:

1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với 111 dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh với số vốn là 1.320.540.685.329 đồng, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách tập trung: 61 dự án với số vốn là 763.941.388.560 đồng.

b) Nguồn xổ số kiến thiết: 36 dự án với số vốn là 239.982.565.005 đồng.

c) Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 14 dự án với số vốn là 316.616.731.764 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm).

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với 244 dự án thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã với số vốn kéo dài là 1.335.415.531.978 đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách cấp huyện: 158 dự án với số vốn là 1.321.091.204.817 đồng.

b) Nguồn vốn ngân sách cấp xã: 86 dự án với số vốn là 14.324.327.161 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định; đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai một số nhiệm vụ sau:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh:

- Các đơn vị chủ đầu tư dự án do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ bố trí vốn theo Nghị quyết. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có hình thức xử lý theo hợp đồng.

- Các sở, ngành tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, xã:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ bố trí vốn theo Nghị quyết. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có hình thức xử lý theo hợp đồng.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch. Tăng cường

thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

- Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện dự án theo thẩm quyền nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thái Bảo

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG CÁC NGUỒN			**1.774.243**	**453.702.314.671**	**1.320.540.685.329**	
	NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG (kể cả kết dư 2016-2020)			**1.054.547**	**290.605.611.440**	**763.941.388.560**	
A	**Thực hiện dự án**						-
I	**Giao thông**						-
I.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**						
1	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	7650614	2019-2022	4.350	326.625.000	4.023.375.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	7779124	2019-2023	30.000	0	30.000.000.000	UBND huyện Tân Phú
3	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du, thị trấn Tân Phú	7779138	2019-2023	14.000	8.333.264.000	5.666.736.000	UBND huyện Tân Phú
4	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện (Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1)	7471288		30.000	7.260.818.000	22.739.182.000	UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	7820693	tối đa 5 năm	18.500	17.811.434.000	688.566.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
6	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	7820692	tối đa 5 năm	23.500	18.653.645.920	4.846.354.080	UBND huyện Vĩnh Cửu
I.2.1	**Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng**						
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000-Km2+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	7832166		12.000	10.054.656.000	1.945.344.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000-Km2+000 do UBND huyện Thống Nhất thực hiện bồi thường	7924386		10.000	0	10.000.000.000	UBND huyện Thống Nhất
3	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định quán	7813560	2022-2025	70.200	1.667.044.000	68.532.956.000	UBND huyện Định Quán
4	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	7773266	tối đa 5 năm	30.650	0	30.650.000.000	UBND huyện Định Quán
5	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	7635140	tối đa 3 năm	10.000	520.555.000	9.479.445.000	UBND huyện Trảng Bom
6	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	7888896	tối đa 4 năm	1.000	753.125.000	246.875.000	UBND huyện Xuân Lộc
I.2.2	**Khởi công mới năm 2022**						
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	7865840	tối đa 5 năm	247.336	0	247.336.000.000	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
2	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	7787851	tối đa 3 năm	8.000	0	8.000.000.000	UBND huyện Định Quán
3	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	7864594	2022-2025	67.800	60.472.250.000	7.327.750.000	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
II	**Công trình công cộng tại các đô thị**						-
II.1	**Dự án chuyển tiếp năm 2022**						
1	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	7563733	2017-2022	19.000	0	19.000.000.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
III	**Cấp nước, thoát nước**						
III.1	**Dự án chuyển tiếp năm 2022**						
1	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư	7005078		20.000	9.614.550.000	10.385.450.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	7005077	2017-2022	10.000	8.556.779.120	1.443.220.880	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	7005124	2017-2022	35.000	22.065.849.000	12.934.151.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	7005102	theo tiến độ Hiệp định	8.426	2.989.895.000	5.436.105.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	7566966	2020-2022	28.000	15.490.539.000	12.509.461.000	UBND huyện Định Quán
III.2	**Khởi công mới năm 2022**						-
1	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	7228594	tối đa 4 năm	2.000	0	2.000.000.000	UBND huyện Trảng Bom
IV	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**						-
IV.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**						
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ)	7004913	2017-2022	23.020	17.343.839.000	5.676.161.000	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	7161160	2020-2023	60.000	41.832.009.000	18.167.991.000	UBND huyện Định Quán
3	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	7572389		10.000	4.319.265.000	5.680.735.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	7292878	2019-2022	25.000	21.107.001.000	3.892.999.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	7811889	2020-2022	9.895	3.029.986.400	6.865.013.600	Chi cục Kiểm lâm
IV.2	**Khởi công mới năm 2022**						
IV.2.1	**Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng**						
1	Nạo vét Suối Săn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	7589849	2022-2025	43.020	2.117.889.000	40.902.111.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
IV.2.2	**Khởi công mới năm 2022**						
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thông thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	7989246	tối đa 3 năm	80.000	0	80.000.000.000	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
V	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**						-
V.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**						

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	7004692	2018-2022	50.000	0	50.000.000.000	Công an tỉnh Đồng Nai
V.2	**Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng**						
1	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	7004692	tối đa 3 năm	900	461.701.000	438.299.000	Công an tỉnh Đồng Nai
VI	**Quốc phòng**						-
VI.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**						
1	Dự án Quốc phòng ĐA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	7004686	2019-2023	15.000	0	15.000.000.000	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VII	**Môi trường**						-
VII.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**						
1	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	7431293	2020-2023	15.000	5.434.149.000	9.565.851.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
VII.2	**Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng**						
1	Dự án Gia cố sạt lỡ bờ sông Đồng Nai (đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	7850701	tối đa 5 năm	880	854.791.000	25.209.000	Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
VIII	**Quản lý nhà nước**						-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022						
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	7437980	2017-2022	3.300	2.856.669.000	443.331.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Nhà làm việc cơ quan khối Đảng	7615330	2018-2022	1.520	823.343.000	696.657.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
	Dự án Khởi công mới năm năm 2022						-
1	Dự án Xây dựng mới Nhà khách Tỉnh uỷ Đồng Nai	7915678	2022-2024	3.000	248.672.000	2.751.328.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
B	**Chuẩn bị đầu tư**						-
1	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	7820837	tối đa 4 năm	1.900	1.895.987.000	4.013.000	UBND huyện Cẩm Mỹ

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối tỉnh lộ 769 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	7777886	tối đa 5 năm	500	0	500.000.000	UBND huyện Thống Nhất
3	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	7912051	tối đa 4 năm	500	0	500.000.000	UBND huyện Long Thành
4	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	7585990	tối đa 4 năm	100	0	100.000.000	UBND huyện Nhơn Trạch
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	7759955	tối đa 4 năm	800	304.016.000	495.984.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu	7005086	tối đa 3 năm	500	0	500.000.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ	7967921	tối đa 3 năm	1.000	978.560.000	21.440.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
8	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	7935506	tối đa 4 năm	1.000	787.283.000	212.717.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo trong công tác PCCC	7004692	tối đa 3 năm	100	0	100.000.000	Công an tỉnh Đồng Nai
10	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025	7004692	tối đa 5 năm	1.000	457.600.000	542.400.000	Công an tỉnh Đồng Nai
11	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	7772849	tối đa 5 năm	500	0	500.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	7004692	tối đa 3 năm	500	0	500.000.000	Công an tỉnh Đồng Nai
13	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	7543016	tối đa 4 năm	500	208.219.000	291.781.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	7485540	tối đa 3 năm	100	0	100.000.000	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
15	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	7759954	tối đa 4 năm	60	12.000.000	48.000.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
16	Dự án tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa	7795753	tối đa 5 năm	20	0	20.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
17	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	7863826	tối đa 5 năm	500	0	500.000.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
18	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	7882604	tối đa 3 năm	420	0	420.000.000	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
19	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình thành phố Biên Hòa	7917150	tối đa 4 năm	1.300	454.966.000	845.034.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
20	Dự án Kè gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiện Tân (khu vực chùa Phổ Đà và đình cong Tân An), huyện Vĩnh Cửu	7935507	tối đa 4 năm	2.600	473.922.000	2.126.078.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
21	Dự án Đường Vành đai thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu	7935505	tối đa 4 năm	100	0	100.000.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
22	Dự án xây dựng tuyến đường D5. đường N3 thuộc Hạ tầng Trung tâm xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	7935508	tối đa 4 năm	100	0	100.000.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành đấu nối ra đường ĐT.768 nối dài và đường ĐT.762, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 33,6ha trên địa bàn huyện)	7935509	tối đa 4 năm	100	0	100.000.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	7895798	tối đa 4 năm	50	32.715.000	17.285.000	UBND huyện Trảng Bom
	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT			**407.566**	**90.949.268.236**	**316.616.731.764**	
I	**Giao thông**						-
I.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**						
1	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	7801709	2020-2024	31.000	29.595.013.000	1.404.987.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện (Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1)	7471288	2020-2024	60.000	10.000.000.000	50.000.000.000	UBND thành phố Biên Hòa
3	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	7809661	2022-2025	50.000	785.171.000	49.214.829.000	UBND huyện Tân Phú
4	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 8+300 và Km15+000 đến Km 24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	7382311		19.500	10.915.145.000	8.584.855.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
I.2	**Khởi công mới năm 2022**						
I.2.1	**Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng**						
I.2.2	**Khởi công mới năm 2022**						
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	7865840	tối đa 5 năm	200.000	0	200.000.000.000	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
2	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMĐT)	7889412	2022-2025	39.999	35.357.126.236	4.641.873.764	UBND huyện Xuân Lộc
III	**Cấp nước, thoát nước**						
III.1	**Dự án chuyển tiếp năm 2022**						
B	**Chuẩn bị đầu tư**						-
1	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	7820837	tối đa 5 năm	577	0	577.000.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	7585990	tối đa 4 năm	900	196.000.000	704.000.000	UBND huyện Nhơn Trạch
3	Dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả, huyện Cẩm Mỹ	7967916	tối đa 3 năm	550	517.590.000	32.410.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Dự án Đường Vành đai thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu	7935505	tối đa 4 năm	1.420	1.353.637.000	66.363.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Dự án xây dựng tuyến đường D5. đường N3 thuộc Hạ tầng Trung tâm xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	7935508	tối đa 4 năm	900	602.998.000	297.002.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
6	Dự án đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành đấu nối ra đường ĐT.768 nối dài và đường ĐT.762, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 33,6ha trên địa bàn huyện)	7935509	tối đa 4 năm	900	790.462.000	109.538.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cổ) (NST100%)	7891065	tối đa 4 năm	1.800	836.126.000	963.874.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
8	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	7880688	tối đa 4 năm	20	0	20.000.000	UBND huyện Định Quán

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
	NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT			**312.130**	**72.147.434.995**	**239.982.565.005**	
A	**Thực hiện dự án**			**305.090**			-
I	**Y tế, dân số và gia đình**			**60.280**			-
I.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**			**44.530**			
1	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	7742011	tối đa 03 năm	6.000	792.301.000	5.207.699.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	7650611	tối đa 3 năm	5.000	3.788.922.000	1.211.078.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	7650612	2021-2023	5.000	1.295.662.000	3.704.338.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	7650599	tối đa 3 năm	5.000	3.050.553.000	1.949.447.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Xây mới Khối 2 tầng Trung tâm y tế huyện Long Thành	7813217	2021-2023	5.850	3.092.434.000	2.757.566.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	7817919	tối đa 5 năm	14.270	1.397.447.000	12.872.553.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	7650602	2020-2022	650	0	650.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	7650600	2020-2022	1.200	0	1.200.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Bệnh viện đa khoa khu vực Xuân Lộc (nay là Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh) (phát sinh bồi thường)	7042992	đến 2022	1.560	0	1.560.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
I.2	**Khởi công mới năm 2022**			**15.750**			-
1	Dự án Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sân đường, hàng rào, mương thoát nước, vỉa hè Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	7964293	2022-2024	7.750	2.395.391.710	5.354.608.290	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
2	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	7650603	tối đa 3 năm	2.000	116.640.000	1.883.360.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	7962982	tối đa 3 năm	6.000	520.265.000	5.479.735.000	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai
II	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**			**13.020**			-
II.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**			**0**			-
II.2	**Khởi công mới năm 2022**			**13.020**			
1	Dự án cải tạo, làm mới một số hạng mục Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai (cơ sở 2)	7936464	2022-2024	8.000	7.674.203.890	325.796.110	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
2	Dự án sửa chữa, cải tạo một số công trình Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở 1	7953453	tối đa 3 năm	5.020	1.853.414.783	3.166.585.217	Trường Đại học Đồng Nai
III	**Văn hóa - xã hội**			**177.690**			-
III.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**			**32.590**			
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	7524610	2018-2022	6.600	6.229.676.000	370.324.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà hát nghệ thuật Đồng Nai	7916192	2021-2023	7.100	5.887.891.533	1.212.108.467	Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
3	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Báo Đồng Nai	7644150	2018-2022	15.240	7.600.843.600	7.639.156.400	Báo Đồng Nai
4	Dự án xây dựng Hội trường Trung tâm tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	7779119	2020-2022	3.650	0	3.650.000.000	UBND huyện Tân Phú
III.2	**Khởi công mới năm 2022**			**145.100**			-
1	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	7820694	2022-2024	139.100	823.804.079	138.276.195.921	UBND huyện Vĩnh Cửu
2	Sửa chữa cải tạo sân vận động tỉnh	7967491	tối đa 3 năm	6.000	4.407.662.400	1.592.337.600	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
IV	**Giao thông**			**16.000**			-
IV.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**			**16.000**			-
1	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thương do huyện Định Quán thực hiện)	7739709	tối đa 5 năm	16.000	12.081.860.000	3.918.140.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
V	**Quốc phòng**			**38.100**			-
V.1	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2022**			**14.000**			-
1	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	7723113	tối đa 5 năm	14.000	6.133.427.000	7.866.573.000	UBND huyện Định Quán
	Khởi công mới năm 2022			**24.100**			-

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Giải ngân đến 31/01/2023 (đồng)	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Dự án đầu tư trang thiết bị kiểm soát, khống chế thiết bị bay không người lái trong đảm bảo an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	7004686	tối đa 3 năm	24.100	33.600.000	24.066.400.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
B	**Chuẩn bị đầu tư**			**7.040**			-
1	Dự án tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhơn Trạch	7914621	tối đa 4 năm	1.800	1.021.470.000	778.530.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Xây dựng mới trường THPT Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch	7915499	tối đa 4 năm	900	313.560.000	586.440.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	7666667	tối đa 3 năm	300	-	300.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	7690546	tối đa 3 năm	200	-	200.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	7650607	tối đa 3 năm	20	-	20.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	7967919	tối đa 3 năm	300	270.001.000	29.999.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
7	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	7967917	tối đa 3 năm	300	288.889.000	11.111.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
8	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	7967920	tối đa 3 năm	300	261.511.000	38.489.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	7967918	tối đa 3 năm	300	288.328.000	11.672.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cần thiết để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	7971517	tối đa 3 năm	100	78.042.000	21.958.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
11	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	7946362	tối đa 3 năm	2.000	248.237.000	1.751.763.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	7986741	tối đa 4 năm	500	201.398.000	298.602.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
13	Sửa chữa, làm mới một số hạng mục tập luyện thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	8005493	tối đa 3 năm	20	-	20.000.000	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao

Phụ lục II

TỔNG HỢP SỐ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân		Dự án sử dụng ngân sách cấp xã kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	
		Số dự án	Số vốn (đồng)	Số dự án	Số vốn (đồng)
	TỔNG CỘNG	**158**	**1.321.091.204.817**	**86**	**14.324.327.161**
1	Huyện Cẩm Mỹ	40	77.248.022.410	27	2.629.052.800
2	Huyện Định Quán	13	77.725.926.000	0	0
3	Huyện Long Thành	32	249.283.675.531	0	0
4	Huyện Nhơn Trạch	1	95.000.000.000	0	0
5	Huyện Tân Phú	21	124.711.648.060	0	0
6	Huyện Thống Nhất	11	131.527.422.000	8	0
7	Huyện Trảng Bom	3	70.000.000.000	0	0
8	Huyện Vĩnh Cửu	10	99.035.731.916	0	0
9	Huyện Xuân Lộc	4	76.600.000.000	48	9.693.715.557
10	Thành phố Biên Hòa	20	254.574.080.900	3	2.001.558.804
11	Thành phố Long Khánh	3	65.384.698.000	0	0